

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **81/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 10/02/2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

*** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Trang**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Đỗ Thị Sỹ Long** và **ông Nguyễn Hà**
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hằng** – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên Tòa: **Bà Bùi Mai Phương** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 946/2022/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về: “Tranh chấp xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Trần Bích H1, sinh năm 1978**

HKTT: Số 8 ngõ 294/54 K, phường K, quận B, thành phố H.

Nơi ở: Số 7/284 L, phường 14, quận 10, Thành phố H2.

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976**

HKTT và nơi ở: Số 8 ngõ 294/54 K, phường K, quận B, H.

(Chị H1 có mặt; anh T xin vắng mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Bích H1 trình bày:

- **Về tình cảm:** Chị Trần Bích H1 và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có qua tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình cho tổ chức cưới, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận B, thành phố H vào ngày 14/11/2007.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà của bố, mẹ anh T ở địa chỉ: Số 8 ngõ 294/54 K, phường K, quận B, thành phố H

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cụ thể là bất đồng về cách sống, cách làm ăn, cách nuôi dạy con cái dẫn đến việc vợ chồng không hòa thuận và thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Tháng 10 năm 2015, do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị H1 đã làm đơn xin ly hôn anh T ra Tòa án nhân dân quận B, tuy nhiên do chị và anh T không thỏa thuận được với nhau về vấn đề nuôi con chung, nên chị H1 đã rút đơn ly hôn để có thêm thời gian thỏa thuận.

Đến tháng 12 năm 2015, do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị H1 và các con đã chuyển vào Thành phố H2 sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh T không liên hệ gì với chị H1 cũng không có trách nhiệm hoặc quan tâm tới con cái. Gia đình hai bên nội ngoại có biết mâu thuẫn của vợ chồng và đứng ra hòa giải cho cả hai nhưng không thành.

Nay chị H1 xác định không còn tình cảm với anh Nguyễn Ngọc T và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị còn ổn định cuộc sống.

- **Về con chung:** Chị H1 và anh T có 02 con chung là: cháu Nguyễn Ngọc H3, sinh ngày 13/02/2009 và cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17/6/2011. Hiện cả 02 cháu đang ở với chị H1.

Khi ly hôn chị H1 có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Thanh cấp dưỡng tiền nuôi con.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung:** Vợ chồng không có tài sản chung và nhà ở chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về khoản nợ chung:** Vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Tại phiên tòa:** Chị H1 vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn anh T vì theo chị thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị đã trở nên trầm trọng, không thể khắc phục được, vợ chồng sống ly thân 06 năm nay, mỗi người một nơi. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân nhau, anh T không bao giờ tìm kiếm hay hỏi han, điện thoại cho chị và các con, cũng không cấp dưỡng hay cho quà các con mỗi khi tết đến hay sinh nhật của các cháu, chỉ có bà nội vẫn điện thoại nói chuyện với các cháu. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, khả năng đoàn tụ là không có, đề nghị hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn.

Chị H1 lý giải về việc chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là vì quá trình 06 năm sống ly thân, anh T chưa bao giờ có trách nhiệm với con cái kể cả tình cảm cũng như vật chất, chưa bao giờ anh điện thoại hỏi han con cái hay gửi một đồng nào để chị nuôi con. Quá trình Tòa án giải quyết, mẹ đẻ anh T cũng cầm giấy ghi ý kiến của anh ra Tòa để nộp cũng thể hiện anh T không hề có trách nhiệm với con cái khi không có ý kiến tự nguyện chu cấp nuôi con chung. Việc mẹ chồng chị trình bày là hiện anh T không có công việc, không có thu nhập thì chị cũng không nắm được nên cũng không yêu cầu anh Thanh cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tại đơn trình bày gửi Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Th trình bày:

Anh T xác nhận anh đã nhận được giấy báo của Tòa án đến Tòa giải việc chị H1 xin ly hôn với anh, anh nhờ mẹ đẻ của mình là bà Hà Thị T1 ra Tòa trình bày quan điểm của anh đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H1, cụ thể là anh cũng đồng ý ly hôn chị H1 và đồng ý giao cả 02 con chung cho chị H1 nuôi, anh không phải đóng góp tiền nuôi các con chung. Về tài sản chung, nhà ở chung và khoản nợ chung: Anh T xác nhận vợ chồng anh không có tài sản gì. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo luật định và cho anh vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như phiên Tòa xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Hà Thị T1 là mẹ đẻ của anh Nguyễn Ngọc Th trình bày: Bà Hà Thị T1 có quan hệ là mẹ đẻ của anh Nguyễn Ngọc T. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án về việc chị Trần Bích H1 xin ly hôn đối với anh Nguyễn Ngọc T, anh T có nhờ bà T1 đến Tòa trình bày ý kiến của anh T đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H1 như sau:

Anh T cũng xác nhận về nội dung chị H1 xin ly hôn như trong nội dung thông báo thụ lý của Tòa án. Nay chị H1 xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý, không có ý kiến gì, Tòa án cứ giải quyết theo luật định, anh T sẽ không ra Tòa và xin vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như phiên Tòa xét xử.

Về con chung anh T cũng xác nhận: Vợ chồng có 02 con chung là: cháu Nguyễn Ngọc H3, sinh ngày 13/02/2009 và cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17/6/2011. Khi ly hôn, chị H1 có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung thì anh T cũng đồng ý và anh T cũng không có tiền cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì hiện anh T không có công ăn việc làm, không có thu nhập gì. Về tài sản chung, nhà ở chung và khoản nợ chung vợ chồng cũng không có gì.

* Tại phiên Tòa: Anh Nguyễn Ngọc T xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

* ***Về tố tụng:*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ Luật Tố Tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

- Về thời hạn xét xử: Vụ án giải quyết trong thời hạn theo luật định

* ***Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:***

Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và khoản 5a Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Bích H1; Chị Trần Bích H1 được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Chị H1 và anh T có 02 con chung là: cháu Nguyễn Ngọc H3, sinh ngày 13/02/2009 và cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17/6/2011.

Giao cả 02 con chung cho chị Trần Bích H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Ngọc T cho đến khi chị H1 có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, nhà ở chung và khoản nợ chung: Hai bên không có tài sản chung, nhà ở chung và khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

- Về án phí LHST: Chị Trần Bích H1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

* ***Về tố tụng:***

Tòa án thụ lý vụ án: “Tranh chấp xin ly hôn” giữa nguyên đơn: Chị Trần Bích H1 đối với bị đơn: anh Nguyễn Ngọc T là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh anh Nguyễn Ngọc T

*** Về nội dung:**

[1] Chị Trần Bích H1 và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận B, thành phố H vào ngày 14/11/2007. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại địa chỉ: Số 8 ngõ 294/54 K, phường K, quận B, thành phố H, đây là nhà của bố mẹ đẻ anh T.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cụ thể là bất đồng về cách sống, cách làm ăn, cách nuôi dạy con cái dẫn đến việc vợ chồng không hòa thuận và thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Tháng 10 năm 2015, do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị H1 đã làm đơn xin ly hôn anh T ra Tòa án nhân dân quận B, tuy nhiên do hai bên cần thời gian để thỏa thuận với nhau về vấn đề tài sản và con chung, nên chị H1 đã rút đơn ly hôn. Tòa án đã ra Quyết định Đình chỉ vụ án.

Đến tháng 12 năm 2015, do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị H1 mang cả 02 con chung chuyển vào thành phố H2 sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân, anh T cũng không liên lạc hỏi thăm cũng như không cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H1.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa làm việc mà chỉ nhờ mẹ đẻ của anh cầm văn bản trình bày quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị H1. Hội đồng xét xử xét thấy: Cả chị H1 và anh T đều xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Bích H1 đối với anh Nguyễn Ngọc T. Do anh T cũng nhất trí thuận tình ly hôn, nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Bích H1 và anh Nguyễn Ngọc T.

[3] Về con chung: Chị Trần Bích H1 và anh Nguyễn Ngọc T có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H3, sinh ngày 13/02/2009 và cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17/6/2011. Hiện nay cả 02 con đang ở cùng chị H1.

[3.1] Xét thấy: Các cháu Nguyễn Ngọc H3 và Nguyễn Ngọc D đều đã đủ tuổi hỏi ý kiến, các cháu đều có nguyện vọng ở với chị H1. Chị H1 có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung. Anh T cũng nhất trí giao cả 02 con cho chị H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của các bên đương sự.

[3.2] Về yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung:

- Chị H1 trình bày về lý do chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi các con chung là vì trong thời gian 06 năm vợ chồng sống ly thân, anh T không hề có trách nhiệm về cả vật chất và tinh thần đối với các con chung, và cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung khi vợ chồng ly hôn.

-Trong văn bản trình bày ý kiến, anh T cũng nhất trí không phải đóng góp tiền nuôi con chung. Bà Hà Thị T1 là mẹ đẻ của anh T trình bày hiện anh T không có công việc, không có thu nhập gì

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H1 không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh T cũng nhất trí, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của các bên đương sự, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi chị H1 có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Anh Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc các con chung không ai được ngăn cản.

[4]. Về tài sản chung, nhà ở chung và khoản nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nhà ở chung và khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí LHST: Chị Trần Bích H1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Bích H1 và anh Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện viện Kiểm sát nhân dân quận B đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Bích H1

Chị Trần Bích H1 được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T

2. **Về con chung:** Chị Trần Bích H1 và anh Nguyễn Ngọc T có 02 con chung là: Nguyễn Ngọc H3, sinh ngày 13/02/2009 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17/6/2011.

Giao cháu Nguyễn Ngọc H3 và Nguyễn Ngọc D cho chị Trần Bích H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Ngọc T cho đến khi chị Trần Bích H1 có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung, nhà ở chung và khoản nợ chung:** Hai bên không có tài sản chung, nhà ở chung và khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

4. **Về án phí LHST:** Chị Trần Bích H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002787 ngày 13/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

5. **Về quyền kháng cáo:** Chị Trần Bích H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm Sát nhân dân quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Tòa án nhân dân Thành phố H;
- UBND phường K, quận B, thành phố H
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang

